

Bản án số: 137/2017/DS-PT

Ngày 17-7-2017

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Công Lý

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2017 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2016/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2017/QĐPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lui Kwong W

Địa chỉ ở nước ngoài: Flat/room8, 1st Floor, 20 Waterloolroad. Kowloon, Hongkong

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam: 117/2 TKX, Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị B

Địa chỉ cư trú: 13C NVM, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 2725, quyền số 4 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/4/2017 tại Văn phòng Công chứng PTNH, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Hồ Quang Kh, ông Lê Xuân Anh Ph, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk và bà Võ Thị Hồng H, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Nh

Địa chỉ cư trú: ấp QK, xã QL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn:

Ông Nguyễn Thanh L, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty NLQ1 (ICC SERVICE JSC)

Trụ sở: 8A/4B1 TVL, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L1

Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NLQ2

Địa chỉ cư trú: 128/17B HBT, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lập ngày 11/4/2016).

2/ Ông NLQ2

Địa chỉ cư trú: 128/17B HBT, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông NLQ3

Địa chỉ cư trú: ấp QK, xã QL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng:

1/ Công ty NLC1

Trụ sở: Tầng 9-10, 172 HBT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy H1

Chức vụ: Tổng Giám đốc

2/ Công ty TNHH NLC2

Trụ sở: 67 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Q

Chức vụ: Giám đốc.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn Nh

Địa chỉ cư trú: ấp QK, xã QL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lui Kwong W và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H2 thống nhất trình bày:

Trước đây, do có quan hệ làm ăn mua bán với nhau nên ông Lui Kwong W có nợ ông Huỳnh Văn Nh số tiền là 2.300.000.000 đồng. Số tiền trên ông W đã thanh toán đầy đủ cho ông Nh và có cho ông Nh mượn thêm số tiền là 1.600.000.000 đồng. Tổng cộng ông W đã chuyển khoản cho ông Nh số tiền là 3.900.000.000 đồng. Sau nhiều lần đề nghị ông Nh trả tiền nhưng ông Nh không thực hiện. Ngày 27/11/2014 ông Lui Kwong W chính thức đứng đơn khởi kiện ông Huỳnh Văn Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nh trả cho ông số tiền là 1.600.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Nh trình bày:

Nguyên vào đầu năm 2013, giữa ông và ông Lui Kwong W có thỏa thuận miệng không có lập văn bản về việc mua bán trái và dây thanh long trình tự mua bán được thực hiện như sau:

Ông W cùng với ông NLQ2 – là nhân viên Công ty cổ phần IC xuống nhà để đặt vấn đề mua thanh long, khi có hàng thì ông điện thoại báo cho công ty IC, công ty sẽ điều xe xuống chở hàng. Việc giao nhận hàng được kiểm đến tại chỗ rồi giao cho tài xế xe chở hàng của công ty IC giao đến kho hàng của Transimex Sài Gòn tại số 7/1 khu phố BT, phường TT, quận TĐ, TP Hồ Chí Minh; hàng khi giao được đóng thành thùng với trọng lượng trung bình mỗi thùng là 23kg, (21kg thanh long + 02kg thùng).

Sau thời gian mua bán, đến ngày 16/12/2013, giữa ông và ông W có tiến hành xác nhận công nợ, theo đó ngày 26/12/2013 phía ông W xác nhận còn nợ bên ông số tiền là 2.300.000.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán số tiền còn nợ này chậm nhất là ngày 30/3/2014.

Sau đó, trong thời gian từ ngày 17/3/2014 đến ngày 28/5/2014, ông W có chuyển tiền qua tài khoản của ông tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện CG tổng số tiền là 3.900.000.000 đồng. Tuy nhiên, cũng trong thời gian từ ngày 08/4/2014 đến ngày 08/5/2014, phía ông W vẫn tiếp tục đặt mua của ông 10 container hàng bao gồm 10.468 thùng với tổng trọng lượng là 219.828kg thanh long, tương ứng với số tiền là 4.568.203.000 đồng và 150 thùng dây thanh long giống với giá tiền là 50.000.000 đồng.

Như vậy, từ khi ký xác nhận công nợ cho đến thời điểm ngày 08/5/2014, phía ông W đã mua của ông lượng thanh long với số tiền là 4.568.203.000 đồng, cộng với số nợ hai bên đã xác nhận ngày 26/12/2013, tổng cộng là 6.918.203.000 đồng. Phía bên ông W mới chuyển khoản được 3.900.000.000 đồng. Do đó, ông W còn nợ lại ông số tiền là 3.018.203.000 đồng. Ngày 11/3/2015, ông làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lui Kwong W trả cho ông số tiền là 3.018.203.000 đồng và tiền lãi chậm trả 1%/tháng tính từ ngày 08/5/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 trình bày:

Anh là con ông Huỳnh Văn Nh, trong quá trình phụ cha anh mua bán thanh long có biết việc ông Lui Kwong W nhiều lần mua thanh long của ông Nh, trình tự mua bán thống nhất như ông Nh trình bày. Anh chỉ là người đóng hàng rồi giao cho xe tải chở đi nên về tiền mua bán hàng giữa cha anh với ông Lui Kwong W không biết cụ thể.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty NLQ1 đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thành L1 ủy quyền cho ông NLQ2 trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng ủy thác số 17/HĐUT ký ngày 12/04/2013 giữa ông Lui Kwong W (đại diện) và Công ty cổ phần thương mại dịch vụ IC về việc ủy thác xuất khẩu trái thanh long đi Trung Quốc.

Vào thời điểm từ ngày 11/04/2014 đến ngày 10/5/2014 theo yêu cầu của ông Lui Kwong W, ông có nhận hàng trái thanh long mà ông Lui Kwong

W mua của ông Huỳnh Văn Nh. Sau đó vận chuyển lên kho lạnh Transimex với tổng số lượng là 10.468 thùng = 10 container, nhập vào kho lạnh Transimex. Sau đó làm thủ tục để xuất khẩu 10 container này cho công ty Dong Guan CM Import And Export Co., LTD, cũng do ông Lui Kwong W làm đại diện.

Thực xuất các lô hàng là 1.056 thùng/1container nhưng trên tờ khai hải quan chỉ thể hiện 900 thùng/1container vì theo yêu cầu của ông Lui Kwong W thì quy định của Việt Nam, thuế suất xuất khẩu trái thanh long có thuế suất bằng 0% do đó không ảnh hưởng đến số tiền thuế.

Việc thanh toán tiền mua hàng giữa ông Lui Kwong W và ông Huỳnh Văn Nh, ông hoàn toàn không biết. Tiền bán hàng do ông Lui Kwong W nhận trực tiếp từ người mua, ông cũng không biết.

Đến nay ông Lui Kwong W cũng chưa thanh toán hết tiền vận chuyển hàng hóa từ Tiền Giang lên kho lạnh Transimex, tiền vận chuyển hàng hóa từ Việt Nam đi Trung Quốc cũng như các loại chi phí xuất khẩu và chi phí ủy thác xuất khẩu cho ông.

Tại bản xác nhận ngày 03/7/2015 của người làm chứng là Công ty trách nhiệm hữu hạn NLC2 - Đại diện theo pháp luật của công ty ông Đặng Trần Q trình bày:

Vào thời điểm từ ngày 08/4/2014 đến ngày 08/5/2014, công ty của ông có nhận vận chuyển hàng cho Công ty cổ phần IC, địa chỉ: 8A/4B1 TVL, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, là mặt hàng thanh long từ cơ sở địa chỉ: ấp QK, xã QL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang, do ông Huỳnh Văn Nh giao để chở đến kho lạnh Transimex Sài Gòn, địa chỉ: 7/1 khu phố BT, phường TT, quận TĐ, Tp Hồ Chí Minh, chi tiết cụ thể như sau: Ngày 09/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Nguyễn Phước L2 điều khiển, chở 376 thùng thanh long, trong đó: 68 thùng đai xanh, 308 thùng đai đỏ; Ngày 10/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 533 thùng thanh long, trong đó: 148 thùng đai xanh, 385 thùng đai đỏ; Ngày 10/4/2014, xe số 57H-0288 do tài xế Nguyễn Phước L2 điều khiển, chở 211 thùng thanh long, trong đó: 72 thùng đai xanh, 139 thùng đai đỏ; Ngày 15/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 620 thùng thanh long, trong đó: 208 thùng đai xanh, 412 thùng đai đỏ; Ngày 16/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 620 thùng thanh long, trong đó: 386 thùng đai xanh, 234 thùng đai đỏ; Ngày 17/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 454 thùng thanh long, trong đó: 175 thùng đai xanh, 279 thùng đai đỏ; Ngày 18/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 379 thùng thanh long, trong đó: 167 thùng đai xanh, 191 thùng đai đỏ; Ngày 22/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 500 thùng thanh long, trong đó: 234 thùng đai xanh, 266 thùng đai đỏ; Ngày 22/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 479 thùng thanh long, trong đó: 307 thùng đai xanh, 172 thùng đai đỏ; Ngày 22/4/2014, xe số 51C-182.83 do tài xế Lê Thanh Ph1 điều khiển, chở 300 thùng thanh long, trong đó: 159 thùng đai xanh, 141 thùng đai đỏ; Ngày 23/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế

Trần Thanh T điều khiển, chở 614 thùng thanh long, trong đó: 331 thùng đại xanh, 283 thùng đại đỏ; Ngày 24/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 400 thùng thanh long đại đỏ; Ngày 24/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 570 thùng thanh long, trong đó: 328 thùng đại xanh, 242 thùng đại đỏ; Ngày 25/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 450 thùng thanh long, trong đó: 185 thùng đại xanh, 265 thùng đại đỏ; Ngày 26/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 654 thùng thanh long, trong đó: 272 thùng đại xanh, 382 thùng đại đỏ; Ngày 27/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 615 thùng thanh long và 21 thùng dây giống, trong đó: 334 thùng đại xanh, 281 thùng đại đỏ; Ngày 28/4/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 599 thùng thanh long và 52 thùng dây giống, trong đó: 267 thùng đại xanh, 332 thùng đại đỏ; Ngày 06/5/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 634 thùng thanh long, trong đó: 485 thùng đại xanh, 149 thùng đại đỏ; Ngày 07/5/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 650 thùng thanh long, trong đó: 422 thùng đại xanh, 228 thùng đại đỏ; Ngày 08/5/2014, xe số 94L-7348 do tài xế Trần Thanh T điều khiển, chở 530 thùng thanh long, trong đó: 363 thùng đại xanh, 167 thùng đại đỏ; Ngày 08/5/2014, xe số 63C-016.92 do tài xế Nguyễn Thành Được điều khiển, chở 301 thùng thanh long, trong đó: 202 thùng đại xanh, 99 thùng đại đỏ.

Tại văn bản số 373 ngày 23/8/2016 của người làm chứng là Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn, đại diện theo pháp luật của Công ty ông Lê Duy H1 trình bày:

Công ty Transimex có ký hợp đồng với cơ sở thanh long TN gửi hàng trái thanh long trong kho của Công ty Transimex do ông Huỳnh Văn Nh chủ cơ sở làm đại diện ký ngày 01/10/2012 thời hạn 01 năm.

Thực tế hàng của cơ sở Thanh long TN có gửi được một lần từ ngày 01/10/2012 đến ngày 13/11/2012, sau đó đến nay cơ sở Thanh long TN không còn gửi hàng tại kho của Công ty Transimex nữa và hai đơn vị không còn có quan hệ gì liên quan.

Do điều kiện ở xa và phải tập trung nhiều công việc cuối năm nên Công ty xin được vắng mặt tại buổi triệu tập xét xử của Tòa án.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, các Điều 48, 63, 147, 227, 228, khoản 4 Điều 264, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 256, và Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và điểm e khoản 2 Điều 1 danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lui Kwong W về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn Nh trả số tiền 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Buộc ông Huỳnh Văn Nh có nghĩa vụ trả cho ông Lui Kwong W số tiền

1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Thời gian trả tiền được thực hiện sau khi bản án có hiệu lực phát luật.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn Nh về việc yêu cầu ông Lui Kwong W trả số tiền 3.018.203.000 đồng (ba tỷ không trăm mười tám triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm phải trả tiền lãi suất, án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/11/2016, ông Huỳnh Văn Nh nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông Nh cho rằng, bản án sơ thẩm chưa đánh giá các chứng cứ một cách toàn diện, khách quan, gây thiệt hại nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của ông. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu kháng cáo ban đầu. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu ý kiến:

Bản án sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề sau: Có hay không có việc ông Nh tiếp tục xuất 10 container hàng sau thời điểm hai bên chốt nợ, vì các tài liệu đều thể hiện Công ty Dong Guan CM do ông W làm chủ; Có hay không có việc ông W trả cho ông Nh 2.300.000.000 đồng, vì có chứng cứ cho rằng ông W chưa thanh toán số tiền này và không có chứng từ nào thể hiện ông Nh có mượn của ông W 1,6 tỷ đồng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà Thái Thị Cẩm T1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như chưa tiến hành giám định file ghi âm mà ông Nh cung cấp. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến:

Việc giám định giọng nói được cho là của bà T1 là không có căn cứ, vì việc làm ăn giữa ông W và ông Nh không liên quan đến bà T1. Về khoản nợ 2,3 tỷ đồng, theo thông lệ thì người mua phải chuyển tiền thì người bán mới giao hàng, trước đó ông W còn nợ ông Nh thì việc ông Nh tiếp tục giao hàng là điều không thể. Tòa án cấp sơ thẩm đã giám định chữ ký của ông W trong các hợp đồng mua bán 10 container sau và kết luận là chữ ký cắt ghép, do đó việc mua bán 10 container này nếu có là việc của ông Nh và Công ty IC. Hợp đồng số 17 thể hiện ông W là giám đốc Công ty Dong Guan CM là chưa có căn cứ, đây chỉ là thông lệ quốc tế bình thường, và hợp đồng này cũng không được đóng dấu của Công ty Dong Guan CM. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào mới, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua việc kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nh, nhận thấy: Theo kết luận giám định thì chữ ký của ông W trong các hợp đồng được cho là mua bán 10 container hàng sau khi hai bên chốt nợ là chữ ký cắt ghép; giữa ông Nh và ông W không có hợp đồng mua bán và giữa ông Nh và Công ty IC cũng không có hợp đồng ủy thác xuất khẩu đối với 10 container hàng này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy:

[1] Theo hồ sơ thể hiện thì ông Lui Kwong W và ông Huỳnh Văn Nh đều thừa nhận có thỏa thuận mua bán trái thanh long. Phương thức mua bán là, ông Nh mua gom trái thanh long, báo cho ông NLQ2 (nhân viên Công ty cổ phần IC) điều xe xuống chở về nhập kho Transimex Sài Gòn, sau đó Công ty IC làm thủ tục xuất khẩu theo yêu cầu của ông W. Việc thanh toán tiền mua hàng do ông W và ông Nh tự thực hiện. Cả ông W và ông Nh đều thừa nhận ngày 26/12/2013, ông W xác nhận còn nợ ông Nh số tiền là 2.300.000.000 đồng, cam kết sẽ thanh toán số tiền còn nợ này chậm nhất là ngày 30/3/2014 và từ ngày 17/3/2014 đến ngày 28/5/2014, ông W đã chuyển cho ông Nh 3.900.000.000 đồng.

Theo ông W, số tiền 1.600.000.000 đồng mà ông chuyển cho ông Nh vượt so với số nợ là số tiền ông Nh mượn của ông. Ngược lại, ông Nh cho rằng, sau khi xác nhận công nợ ngày 26/12/2013, hai bên vẫn tiếp tục mua bán trái thanh long theo phương thức cũ. Từ ngày 08/4/2014 đến ngày 08/5/2014, ông W tiếp tục mua của ông 10 container gồm 10.468 thùng trái thanh long có giá trị 4.568.203.000 đồng, 150 thùng dây thanh long giá trị 50.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông W mua hàng của ông là 6.918.203.000 đồng, đã thanh toán được 3.900.000.000 đồng, còn nợ là 3.018.203.000 đồng.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã có những nhận định chưa chính xác như sau:

Ông Nh không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện giữa ông Nh và ông W có hợp đồng bằng văn bản về việc mua bán 10 container trái thanh long như ông Nh trình bày. Nhận định này là không đúng, vì hai bên đã thừa nhận phương thức mua bán giữa hai bên là thỏa thuận miệng.

Công ty IC xác nhận trong thời gian từ ngày 11/04/2014 đến ngày 10/5/2014 theo yêu cầu của ông W, công ty có nhận của ông Nh và xuất cho Công ty Dong Guan CM Import And Export Co., Ltd 10 container hàng trái thanh long, nhưng Công ty IC không cung cấp được hợp đồng ủy quyền của ông W cho Công ty IC hay cá nhân ông Hoàng mua hàng của ông Nh và xuất cho Công ty Dong Guan CM Import And Export Co., Ltd. Mặc khác, kết luận giám định số 2830/C54B ngày 02/11/2015 của Phân viện Khoa học Hình sự

Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh (BL 315-316) thì chữ ký mang tên ông W trong các hợp đồng mua bán giữa Công ty IC với ông W là được cắt để ghép vào và photo ra. Như vậy, không có cơ sở nào thể hiện từ ngày 11/04/2014 đến ngày 10/5/2014 giữa ông Nh và ông W có giao dịch mua bán 10 container thanh long như ông Nh trình bày cũng như giữa công ty IC và ông Lui Kwong W có giao dịch ủy quyền mua bán thanh long với ông Nh như ông Hoàng xác nhận. Việc Công ty Trần Q xác nhận từ ngày 09/4/2014 đến ngày 08/5/2014 có nhận chở hàng thuê 10 container trái thanh long cho công ty NLQ1 do ông Nh giao chở lên kho lạnh Transimex. Nhưng cũng không có gì thể hiện là do ông W mua của ông Nh vì không có bất cứ văn bản hợp đồng nào thể hiện do ông Lui Kwong W yêu cầu thực hiện giao dịch này. Xét thấy, các nhận định nêu trên của bản án sơ thẩm là chưa xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án. Bởi vì: Như phần trên đã phân tích, thì ngay từ đầu, giữa ông W và ông Nh đã thỏa thuận miệng với nhau về phương thức mua bán hàng như đã nêu, giữa hai bên không tồn tại bất kỳ một hợp đồng nào. Mặc dù chữ ký mang tên ông W trong các bản hợp đồng mua bán với Công ty IC là cắt ghép, photo ra, nhưng theo các tài liệu của Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh thì, từ ngày 11/4 đến ngày 09/5/2014, qua 09 đợt, toàn bộ 10 container hàng này đều được xuất cho Công ty Dong Guan CM Import And Export Co., Ltd cũng do ông W làm giám đốc. Như vậy, đã có căn cứ để xác định, sau thời điểm xác nhận công nợ vào ngày 26/12/2013, giữa ông W và ông Nh vẫn còn tiếp tục có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau. Đồng thời, Công ty Dong Guan CM Import And Export Co., Ltd do ông W làm giám đốc đã nhận và tiêu thụ 10 container hàng mà ông đã Nhiên mua, Công ty Trần Q đã vận chuyển và Công ty IC đã xuất, nhưng chưa thanh toán tiền cho ông Nh.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

Như phần trên đã phân tích, có căn cứ để xác định Công ty Dong Guan CM Import And Export Co., Ltd đã nhận, tiêu thụ 10 container trái thanh long và đây thanh long của ông Nh và chưa thanh toán tiền. Do đó, Công ty Dong Guan CM Import And Export Co., Ltd là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Mặc khác, bà Thái Thị Cẩm T1 là vợ ông W có tham gia vào việc mua bán, có trực tiếp chuyển tiền cho ông Nh, nên cần xác định bà T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy, bản án sơ thẩm đã chưa đánh giá một cách toàn diện, khách quan các chứng cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nh; không đưa Công ty Dong Guan CM Import And Export Co., Ltd và bà Thái Thị Cẩm T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các vi phạm và thiếu sót của bản án sơ thẩm, không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các lập luận và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp

cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Các lập luận và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Nh.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 43/2016/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Nh 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 1723 ngày 04/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

Võ Văn Khoa